TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **158/**2022/QĐST- HNGĐ	*TP. Tuyên quang, ngày 05 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 134/2022/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị **Triệu Thị T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Xít Xa, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh **Đỗ Đức T**, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Trường Thi A, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và 58 - Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Uỷ ban Th- ờng vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2022,

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Triệu Thị T và anh Đỗ Đức T

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao con chung là Đỗ Triệu Bảo N, sinh ngày 26/8/2014 cho chị Triệu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn, anh Đỗ Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mức cấp dưỡng 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện theo tháng, mỗi tháng 01 lần kể từ tháng 8/2022 cho đến `khi cháu Đỗ Triệu Bảo N đủ 18 tuổi. Anh Đỗ Đức T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung:* Chị Triệu Thị T và anh Đỗ Đức T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về vay nợ chung:* Chị Triệu Thị T và anh Đỗ Đức T xác định vợ chồng không vay nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Triệu Thị T tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn số tiền là 150.000đ *(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng),* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0000401 ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho chị Triệu Thị T số tiền chênh lệch là 150.000đ ***(Một trăm năm m- ơi nghìn đồng).***

Anh Đỗ Đức T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng số tiền là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tp Tuyên Quang (02 bản);
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã A, tp Tuyên Quang) (để biết);
- Lưu hồ sơ VA+ TA

THẨM PHÁN

Vương Thị Lan